

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước ít biến đổi. Mức nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-25cm và cao hơn TBNN từ 50-55cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước ít biến đổi. Mức nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-25cm và cao hơn TBNN từ 55-65cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 23/03 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN phổ biến từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước ít biến đổi, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên chậm theo triều tới ngày 25/03. Đỉnh triều ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 25/03/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									24/03	25/03	26/03	27/03	28/03
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	148	-2	▼	26	▲	47	▲	145	142	138	134	130
					Hmin	-3	-4	▼	1	▲	0	◀▶	-8	-16	-27	-29	-31
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	155	-3	▼	22	▲	53	▲	152	149	145	141	137
					Hmin	-19	-6	▼	-13	▼	9	▲	-24	-32	-43	-45	-47
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	128	5	▲	7	▲	30	▲	125	122	118	114	110
					Hmin	53	-13	▼	17	▲	26	▲	48	40	29	27	25
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	161	-2	▼	12	▲	53	▲	158	155	151	147	143
					Hmin	-8	-5	▼	-14	▼	0	◀▶	-13	-21	-32	-34	-36
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	174	-1	▼	22	▲	67	▲	171	168	164	160	156
					Hmin	-15	-7	▼	-12	▼	24	▲	-20	-28	-39	-41	-43
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	159	-2	▼	24	▲	54	▲	156	153	149	145	141
					Hmin	-15	-5	▼	-10	▼	5	▲	-20	-28	-39	-41	-43
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	44	2	▲	-11	▼	11	▲	46	44	42	40	38
					Hmin	18	-1	▼	-6	▼	10	▲	15	12	9	6	3
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	33	1	▲	-10	▼	7	▲	33	31	30	30	30
					Hmin	25	-2	▼	-6	▼	3	▲	23	21	19	17	15
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	37	-2	▼	-12	▼	-1	▼	37	35	34	34	34
					Hmin	30	-3	▼	-10	▼	-3	▼	28	26	24	22	20
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	38	-2	▼	-12	▼	4	▲	38	36	35	35	35
					Hmin	33	-3	▼	-8	▼	5	▲	31	29	27	25	23
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	46	-2	▼	-13	▼	3	▲	46	44	43	43	43
					Hmin	40	-4	▼	-7	▼	4	▲	38	36	34	32	30
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	51	1	▲	-13	▼	17	▲	53	51	49	47	45
					Hmin	25	-1	▼	-3	▼	12	▲	22	19	16	13	10
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	63	1	▲	-12	▼	29	▲	65	63	61	59	57
					Hmin	49	0	◀▶	2	▲	26	▲	46	43	40	37	34
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	50	1	▲	-12	▼	9	▲	52	49	46	43	40
					Hmin	43	-1	▼	-4	▼	11	▲	40	37	34	31	28
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	34	1	▲	-7	▼	14	▲	34	32	31	31	31
					Hmin	25	0	◀▶	-3	▼	11	▲	23	21	19	18	17
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	80	1	▲	-9	▼	31	▲	82	80	78	76	74
					Hmin	64	-1	▼	0	◀▶	30	▲	61	58	55	52	49
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	109	1	▲	-9	▼	39	▲	111	109	107	105	103
					Hmin	62	-2	▼	1	▲	26	▲	59	56	53	50	47
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	75	1	▲	-10	▼	19	▲	77	75	73	71	69
					Hmin	53	-1	▼	-1	▼	17	▲	50	47	44	41	38

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	60	2	▲	-12	▼	10	▲	62	60	58	56	54
					Hmin	47	-1	▼	-3	▼	11	▲	44	41	38	35	32
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	45	3	▲	-7	▼	13	▲	47	45	43	41	39
					Hmin	35	0	◀▶	-2	▼	21	▲	32	29	26	23	20
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	25	0	◀▶	-12	▼	-6	▼	27	29	26	23	20
					Hmin	0	-3	▼	-14	▼	20	▲	-8	-10	-8	-5	-2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	61	-2	▼	4	▲	22	▲	63	65	62	59	56
					Hmin	-36	-6	▼	-26	▼	-3	▼	-38	-40	-37	-33	-28

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





